TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 5 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tư.

2/ Ông Huỳnh Văn Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-DS ngày 03/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Minh S**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh S có mặt; chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Bùi Minh S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H chung sống vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B vào ngày 17/02/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H không còn thương yêu chồng con và chị H đã tự ý về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh và chị H đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H;

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Gia B, sinh ngày 17/01/2009 và Bùi Gia K, sinh ngày 31/10/2015. Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu B và cháu K sống chung với anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn không có ý kiến và không có mặt để tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Minh S có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H. Chị H đang cư trú tại địa bàn huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S và chị H bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Anh S yêu cầu ly hôn với chị H, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không được do chị H vắng mặt. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh S được ly hôn với chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Bùi Gia B, sinh ngày 17/01/2009 và Bùi Gia K, sinh ngày 31/10/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Bùi Gia B hiện nay đã 10 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với anh S, anh S có công việc làm ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 14/02/2019). Mặc khác, từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B và cháu Gia K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh S, giao con chung tên Bùi Gia B và Bùi Gia K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Minh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Gia B, sinh ngày 17/01/2009 và Bùi Gia K, sinh ngày 31/10/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Minh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16421 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Như vậy, anh S đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDH. Cai Lậy;
- CCTHADS H. Cai Lậy;
- UBND xã H,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Kim Loan